

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỶ NGUYÊN  
THỊNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HS-ST  
Ngày 18-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T THỊNH PHỐ H**

**- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Diệu

Ông Bùi Đình Hùng

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hữu Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỷ Nguyên, tHnh phố H.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tHnh phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án nhân dân huyện Tỷ Nguyên, tHnh phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1997, tại H; Nơi cư trú: Thôn 02, xã M, huyện Tỷ Nguyên, tHnh phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1971; chưa có vợ con; tiền án: Án số 46/HSST ngày 09/4/2015 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 5.600.000 đồng). Khi phạm tội 17 tuổi 03 tháng 17 ngày. Án phúc thẩm số 43/HSPT ngày 03/7/2015 Tòa án nhân dân tHnh phố H xử phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, bắt thi Hnh án ngày 03/8/2015. Ngày 03/02/2016 chấp Hnh án xong. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự, thời điểm phạm tội H dưới 18 tuổi nên tiền án này của H coi như không có án tích (đã được xóa); Án số 10/HSST ngày 11/01/2017 Tòa án nhân dân quận L, tHnh phố H xử phạt 30 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2016. Ra tù ngày 12/9/2018 (chưa xóa án).

Bị cáo, bị tạm giam từ ngày 30/4/2020; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Vũ Văn T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn 05, xã M, huyện T, tHnh phố H; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn 02, xã M, huyện T, tHnh phố H; vắng mặt.

+ Chị Phùng Thị P, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn 05, xã M, huyện T, tHnh phố H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 59/295, đường N, quận L, tHnh phố H; vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn T, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Số 59/295, đường N, quận L, tHnh phố H; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của những người cùng xã mang bán lấy tiền ăn tiêu. Thực hiện ý định của mình, H đã rủ thêm em trai là Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 18/6/2007 (12 tuổi 10 tháng 05 ngày) trú tại thôn 2, M, huyện T, tHnh phố H cùng thực hiện Hnh vi phạm tội. H hứa hẹn với Trường, sau khi lấy được tài sản sẽ cho Ttiền. Mỗi lần thực hiện Hnh vi phạm tội Tdùng xe đạp của gia đình chở H đi quanh các thôn để xem gia đình nào sơ hở thì lấy tài sản. Nếu trời tối thì Tdùng đèn pin soi đường đi và xem xung quanh có người trông coi tài sản hay không để cho H lấy tài sản. Có cơ hội, H trực tiếp đột nhập vào nH dân để lấy xe mô tô còn Tthì đạp xe vòng quanh khu vực H đang lấy tài sản để cảnh giới. Lấy được tài sản H cùng Tmang sang địa bàn quận L cầm cố cho Vũ Văn H, sinh năm 1980 và Vũ Văn T, sinh năm 1961, đều trú tại số 59/295 đường N, quận L, tHnh phố H. H trực tiếp cầm cố tài sản, cho Ttiền ăn tiêu cá nhân. Khi cầm cố tài sản, H không nói cho H, T biết là tài sản do phạm tội mà có. Số tiền có được từ việc cầm cố tài sản do phạm tội mà có H ăn tiêu cá nhân và chia cho Trường. Ngày sau khi Hnh vi của H bị phát hiện, ngày 30/4/2020 Vũ Văn T đã tự nguyện, giao nộp cho cơ quan Công an những tài sản đã cầm cố của H.

Trong khoảng thời gian từ ngày 23-29/4/2020 hai anh em H, Tđã chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất*: khoảng 11 giờ ngày 23/4/2020, H và T đã lấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, màu sơn xanh, biển kiểm soát 16L1 – 1192 của ông Vũ Văn T, sinh năm 1958 trú tại thôn 5, xã M, huyện T, tHnh phố H. Sau đó, H đã mang chiếc xe mô tô này sang cầm cố cho Vũ Văn H được 400.000 đồng. Số tiền này H đã chi tiêu cá nhân hết, không cho Trường.

- *Lần thứ hai*: khoảng 12 giờ, ngày 27/4/2020, H và T tiếp tục lấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại X – Bike, màu đen, biển kiểm soát 16N8-7093 của chị Trần Thị T, sinh năm 1977, trú tại thôn 02, xã M, huyện T, tHnh phố H. Lấy được xe, H đem cầm cố cho H được 1.000.000 đồng. H cho T 40.000 đồng để nạp tiền điện thoại, còn H ăn tiêu cá nhân hết.

- *Lần thứ ba*: khoảng 19 giờ, ngày 29/4/2020, H và T cùng nhau lấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu sơn vàng BKS: 16L2 – 0325 của chị Phùng Thị P, sinh năm 1979 ở thôn 5, xã M, huyện T, tHnh phố H. H mở cốp xe thấy bên trong có giấy tờ xe, thẻ căn cước công dân mang tên chị P. H mang về nH cất giấu. Lấy được xe, H đem đến H để cầm cố nhưng H không có nH thì H đã cầm cố cho T là chú ruột H được 1.200.000 đồng, H cho T 200.000 đồng, còn lại H ăn tiêu cá nhân hết.

Tại các kết luận giám định tài sản số 25, 26, 27/HĐĐGTS ngày 30/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16L1 – 1192 của ông Vũ Văn T trị giá 2.000.000 đồng, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N8-7093 của chị Trần Thị T trị giá 3.000.000 đồng; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16L2-0325 của chị Phùng Thị P trị giá 6.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 11.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, những người bị hại gồm: Ông Vũ Văn T, chị Trần Thị T, chị Phùng Thị P trình bày như nội dung nêu trên. Sau khi phát hiện mất tài sản, những người bị hại đã đến cơ quan công an trình báo. Hiện tại ông T và chị T, chị P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu H bồi thường thiệt hại.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Tkhai như nội dung nêu trên. T biết H và cùng H đi lấy trộm xe mô tô của người khác. Số tiền H cho T đã ăn tiêu hết 40.000 đồng còn lại 200.000 đồng chưa tiêu, cất vào trong quyển sách để ở nH.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận như nội dung nêu trên. Số tiền có được từ việc cầm cố tài sản, H ăn tiêu cá nhân và cho T 2 lần (lần thứ nhất 40.000 đồng, lần thứ hai 200.000 đồng). Còn lại 220.000 đồng H chưa tiêu hết để trong túi áo khoác ở nH.

Quá trình điều tra, chị Phạm Thị L là mẹ đẻ của T và H đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền 420.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng của T để

trong quyển sách và 220.000 đồng của H để trong túi áo khoác) và 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe đều mang tên Phùng Thị P.

Quá trình điều tra, Vũ Văn H và Vũ Văn T khai: Khi cầm cố xe mô tô cho H và T không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có. H đều nói đó là tài sản của mình. H thường xuyên đến cầm cố tài sản cho H mỗi lần cầm cố thì khoảng vài ngày sau H đến chuộc lại nên H không nghi ngờ về nguồn gốc tài sản khi H mang đến cầm cố.

Bản cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tả Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận và thừa nhận toàn bộ Hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 30/4/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng của vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 89; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Tịch T sung quỹ nhà nước số tiền 420.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có tại Biên lai T tiền số 0000812, ngày 28/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người tiến Hành tố tụng Tộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về Hành vi, quyết định của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; các Bản kết luận giám định tài sản số 25, 26, 27/HĐĐGTS ngày 30/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Do nghiện ma túy để có tiền ăn tiêu và mua ma túy sử dụng Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, để thực hiện ý định của mình bị cáo đã rủ em trai là Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 18/6/2007 (12 tuổi 10 tháng 05 ngày) cùng tham gia thực hiện và hứa hẹn với Tsau khi lấy được tài sản sẽ cho Tiền ăn tiêu, Tđồng ý. Tlấy xe đạp của gia đình chở H đi vòng quanh các thôn trên địa bàn xã M, huyện T, tHnh phố H nếu phát hiện gia đình nào sơ hở sẽ tìm cách chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 23/4/2020 đến ngày 29/4/2020 Nguyễn Văn H đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 16L1-1192 của ông Vũ Văn T trị giá 2.000.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 16N8-7093 của chị Trần Thị T trị giá 3.000.000 đồng và xe mô tô biển kiểm soát 16L2-0325 của chị Phùng Thị P trị giá 6.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận là 11.500.000 đồng. Với Hnh vi trên, bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKSTN ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

[3] Hnh vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần pH áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, Hnh vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

[4] Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử, xét:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong một thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của nhiều người đó là tài sản của ông Vũ Văn T, chị Trần Thị T và chị Phùng Thị P. Mặt khác bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản đã được xóa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự và 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà lại thực hiện Hnh vi phạm tội với lỗi cố ý nên xác định là tái phạm, ngoài các tình tiết tăng nặng nêu trên để thực hiện được ý định của mình bị cáo còn rủ rê, xúi giục em trai mình là Nguyễn Văn Trường, sinh ngày 18/6/2007 (12 tuổi 10 tháng 05 ngày) là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện, đây xác định là các

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, o, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa tuy bị cáo tHnh khẩn khai báo về Hnh vi phạm tội của mình, song xét Hnh vi tội phạm mà bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã hai lần chấp Hnh án phạt tù tại trại giam trở về địa phương không tu chí làm ăn để tHnh người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn tiếp tục nghiện ma túy, để có tiền ăn tiêu và mua ma túy sử dụng bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác mang đi cầm cố, điều đó thể hiện ý thức, thái độ coi thường pháp luật của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt nghiêm buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian như mức đề xuất của kiểm sát viên mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và P ngừa chung trong xã hội.

#### [5] Về hình phạt bổ sung

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra, xác định bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

#### [6] Về trách nhiệm dân sự

Ông Vũ Văn T, chị Trần Thị T và chị Phùng Thị P vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai tại cơ quan điều tra trình bày ông T, chị T và chị P đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

#### [7] Về xử lý vật chứng

- Số tiền 420.000 đồng tại Biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0000812, ngày 28/7/2020 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T, tHnh phố H là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch T sung quỹ NH nước.

#### [8] Về các nội dung khác

- 02 USB có chứa video ghi lại hình ảnh H và Tchiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị T và chị Phùng Thị P, xác định là tài liệu, chứng cứ trực tiếp chứng minh Hnh vi phạm tội của bị cáo được lưu trữ trong hồ sơ vụ án là đúng pháp luật.

- Đối với 03 xe mô tô biên kiểm soát 16L2 – 0325; 16L1 – 1192 và 26N8 – 7093, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã làm rõ nguồn gốc và trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là ông Vũ Văn T, chị Trần Thị T và chị Phùng Thị P là đúng pháp luật.

- Đối với Nguyễn Văn T là người cùng thực hiện Hnh vi trộm cắp tài sản với H nhưng khi thực hiện Hnh vi phạm tội T dưới 13 tuổi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T đã bàn giao đối tượng cho gia đình và giao cho Công an xã M lập hồ sơ quản lý, giáo dục tại địa phương là phù hợp pháp luật.

- Đối với các đối tượng Vũ Văn H, Vũ Văn T có Hnh vi cầm cố tài sản do H phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không biết tài sản do H phạm tội mà có, hiện tại H và T vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

#### [9] Về án phí

Bị cáo Nguyễn Văn H pH nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 89, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch T sung quỹ NH nước số tiền 420.000 đồng tại Biên lai T tiền số 0000812, ngày 28/7/2020 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T, tHnh phố H.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn H pH nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

#### 4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi Hình án: Thợp quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự người được thi Hình án dân sự, người pH thi Hình án dân sự có quyền thỏa Tận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi Hình án dân sự, thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự

***Nơi nhận:***

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện Tỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mến**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**